Phụ lục: Các cầu hạn chế tải trọng trên các tuyến tỉnh lộ thuộc địa bàn tỉnh Đắk Nông.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT, ngày tháng 6 năm 2023 của Sở GTVT tỉnh Đắk Nông)

TT	Tỉnh lộ	Tên cầu	Lý trình (tim cầu)	Huyện	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11A)	(11B)	(11C)	(11D)	(12)
I	**Tỉnh lộ 2**									Đang thực hiện đầu tư xây dựng mới tất cả các cầu trên tuyến.				
II	**Tỉnh lộ 3**													
1	"	Cầu Sập	Km16+860	Krông Nô	7,3	1	8,5	7,5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
2	"	Cầu Cháy 2	Km30+150	"	27	1	7,5	6,8	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
3	"	Cầu Đỏ	Km32+850	"	24	1	10,3	9,6	H18-XB80	(*)			H18-XB80	
III	**Tỉnh lộ 4B**													
1	"	Eaplate	Km0+383.85	Krông Nô	22,1	1	6	5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
2	"	D Teung	Km6+221.98	"	28,10	1	6	5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
3	"	D Teda	Km14+139.6	"	26,10	1	6	5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
4	"	Y.Goun Do	Km19+230.35	"	33,6	1	6	5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
5	"	Đắk R'măng	25+400	Đăk Glong	80,4	2	4	3,5	0,65HL93	(*)			0,65HL93	
IV	**Tỉnh lộ 5**													
1	"	Cầu Hai	Km10+494	Đắk R'lấp	22	1	7,5	6,5	H18-XB60	(*)			H18-XB60	
2	"	Km20+700	Km20+700	"	7	1	6,5	6	H13-XB60	(*)			H13-XB60	Đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng mới
3	"	Km21+400	Km21+400	"	6	1	5,6	3,7	H13-XB60	(*)			H13-XB60	
4	"	Suối Hai	Km34+847	"	24,6	1	4,7	4	H13-XB60	(*)			H13-XB60	
5	"	Km38+850	Km38+850	"	6,25	1	5,6	4,1	H13-XB60	(*)			H13-XB60	
V	**Tỉnh lộ 6**													
1	"	Km43+150	Km43+150	Đắk Song	6,8	1	7,6	6,9	H18-XB60	(*)			H18-XB60	

TT	Tỉnh lộ	Tên cầu	Lý trình (tim cầu)	Huyện	Chiều dài cầu (m)	Tổng số nhịp	Bề rộng cầu	Bề rộng xe chạy (m)	Tải trọng thiết kế	Tải trọng thực tế				Ghi chú
2	"	Km48+300	Km48+300	Đắk Glong	8,6	1	10	9	H18-XB60	(*)			H18-XB60	

Ghi chú:

1. Cầu trên các tuyến tỉnh lộ do Sở GTVT tỉnh Đắk Nông quản lý không ghi trong Bảng trên là các cầu không cắm biển tải trọng và đáp ứng tải trọng theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ GTVT.

2. Trong tài liệu này không công bố các cầu đang xây dựng.

3. Các chỉ số tại cột 11B gồm: Số hiệu thứ nhất giới hạn tải trọng xe thân liền; Số hiệu thứ 2 giới hạn tải trọng xe đầu kéo kéo Rơ mooc; Số hiệu thứ 3 giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo Rơ mooc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).

Ví dụ: Cột 11B có ghi: 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 Tấn; xe đầu kéo kéo Rơ mooc được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 Tấn và xe thân liền kéo Rơ mooc (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 Tấn.

4. Chỉ số ghi ở cột 11C thể hiện tải trọng tối đa ghi trên biển số P.115 "Hạn chế tải trọng toàn bộ xe" (Biển số theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT).

Ví dụ: ở cột 11C có ghi số "17" - Nghĩa là cầu có cắm biển Hạn chế tải trọng toàn bộ xe (cả xe và hàng) vượt quá 17 Tấn.

5. Cầu nào mà cột 11A có ghi ký hiệu (*) là cầu đang chờ kiểm định, trước mắt tải trọng khai thác theo tải trọng thiết kế tại cột 11D.